

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2022/DS-PT
Ngày: 15-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về
hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Anh
Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 71/2022/TLPT- DS
ngày 08 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng dân sự về hội.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án
nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐPT-DS ngày 19
tháng 4 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D (tên thường gọi là P), sinh năm 1968.
(Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đông K, xã Tân K, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ C, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm Tân H, phường Tân Q, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Công T, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm Tân H, phường Tân Q, thành phố S, Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc D là nguyên đơn.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Bà D làm chủ hội và bà C có tham gia hội do bà D làm chủ cụ thể: + Dây hội 1: Hội loại 5.000.000đ/tháng, khai ngày 10/7/2018 âm lịch (kết thúc ngày 10/9/2019 âm lịch), gồm 15 hội viên, bà C tham gia 02 phần (ghi tên trong giấy hội C bạn, số thứ tự số 9 và 10), hội khai đến lần thứ 2 (ngày 10/8/2018) bà C hót 01 phần, số tiền 41.800.000đ và hội khai đến lần thứ 8 (ngày 10/02/2019) bà C hót 01 phần còn lại, số tiền 50.300.000đ. Sau khi hót hội bà C đóng hội chết đến lần thứ 9 thì ngưng (ngày 10/3/2019 – 10/9/2019) nên bà D chủ hội đóng hội chết chàng cho bà C 06 lần của 02 phần đến khi mãn hội (02 phần x 06 lần) số tiền 60.000.000đ.

+ Dây hội 2: Hội loại 10.000.000đ/tháng, khai ngày 30/11/2018 âm lịch (kết thúc ngày 30/10/2019 âm lịch), gồm 12 hội viên, bà C tham gia 01 phần (ghi tên C bạn, số thứ tự số 4), hội khai đến lần thứ 7 (ngày 30/5/2019) bà C hót hội được số tiền 93.500.000đ. Sau khi hót hội bà C không có đóng hội chết và ngưng (ngày 30/6/2019 – 30/10/2019) nên bà D đóng hội chết chàng cho bà C 05 lần, số tiền 50.000.000đ. Hiện các dây hội trên đã kết thúc. Như vậy, tổng cộng 02 dây hội bà C nợ bà D số tiền 110.000.000đ.

Bà D đã giao tiền hội cho bà C xong, mỗi lần giao tiền hội đều có làm giấy cho bà C ký nhận trước mặt bà D nên bà D xác định không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết Trần Thị Mỹ C trong giấy giao hội. Nay bà D yêu cầu bà C, ông T liên đới trả cho bà D số tiền nợ hội là 110.000.000đ, lý do bà D yêu cầu ông T liên đới là khi hót hội bà C nói hót hội lấy tiền để đổi xe cho ông T và khi giao tiền hội cho bà C thì có mặt ông T, nhưng ông T không có ký tên, do bà D nghĩ bà C tham gia hội thì bà C ký tên nên ông T không ký tên. Hơn nữa, bà D với vợ chồng bà C là bạn bè.

Ông T trình bày sau khi bà C bỏ địa phương đi thì ông T có trả cho bà D số tiền 30.000.000đ là không có. Ngoài ra, bà D không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Trần Thị Mỹ C: Mặc dù Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ cho bà C, nhưng bà C không có văn bản trình bày ý kiến và không đến tham dự phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Công T trình bày:

Ông T với bà C là vợ chồng, chung sống khoảng trên 20 năm, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng ông T, bà C có 02 con chung (con lớn sinh năm 1995; con nhỏ sinh năm 2009). Ông không tham gia hội của bà D, còn giữa bà C, bà D có giao dịch hội với nhau không thì ông không biết.

Tuy nhiên, theo ông T trình bày sau khi bà C bỏ địa phương đi thì có người tên Nguyễn Duy B thiếu nợ bà C đến gửi trả 30 triệu đồng, lúc đó ông T nhận và đưa cho bà D (tên thường gọi P) ba lần, số tiền 30.000.000đ, việc ông T đưa tiền cho bà D là do bà D nói bà C thiếu tiền hội của bà D nên ông T mới đưa cho bà D. Còn trước đó, ông T không biết giao dịch hội giữa các bên và toàn bộ chi phí

sinh hoạt gia đình đều do ông T lo, bà C chỉ làm nội trợ. Nay ông T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, không có ý kiến gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/DSST ngày 18/01/2022 của Tòa án thành phố S tuyên xử:

- Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc yêu cầu bà Trần Thị Mỹ C, ông Lê Công T liên đới trả số tiền nợ hui 110.000.000 đồng.

Án phí:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc D nộp 5.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp 2.750.000 đồng theo biên lai số 0008711 ngày 10/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S được chuyển thành án phí, bà Nguyễn Thị Ngọc D còn phải nộp thêm số tiền 2.750.000 đồng (hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị Ngọc D nộp toàn bộ chi phí đăng tin trên báo đài tìm kiếm đối với bà Trần Thị Mỹ C số tiền 2.400.000 đồng (bà D đã nộp xong).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/02/2022 bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm xử, bà yêu cầu bà C, ông T có trách nhiệm liên đới trả cho bà 110.000.000đ.

- Ngày 16/02/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp có Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS yêu cầu cấp phúc thẩm xử sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bà C trả cho bà D số tiền hui 110.000.000đ. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc ông T là chồng bà C có trách nhiệm liên đới trả nợ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bà D vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

+ Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định kháng nghị.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà D, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp, sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bà C trả cho bà D số tiền hui 110.000.000đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi án sơ thẩm xử bà D có đơn kháng cáo. Viện trưởng Viện kiểm sát Tỉnh có Quyết định kháng nghị. Xét yêu cầu kháng cáo của bà D, kháng nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy: Bà D trình bày là chủ thảo, bà C có tham gia chơi hụi các dây hụi như sau:

- Dây hụi 1: Hụi 5.000.000đ/tháng, khai ngày 10/7/2018 âm lịch (kết thúc ngày 10/9/2019 âm lịch), gồm 15 hụi viên, bà C tham gia 02 phần (ghi tên trong giấy hụi C bạn, số thứ tự số 9 và 10), hụi khai đến lần thứ 2 (ngày 10/8/2018) bà C hốt 01 phần, số tiền 41.800.000đ và hụi khai đến lần thứ 8 (ngày 10/02/2019) bà C hốt 01 phần còn lại, số tiền 50.300.000đ. Sau khi hốt hụi bà C đóng hụi chết đến lần thứ 9 thì ngưng không đóng nữa, nên bà D phải đóng hụi chết chàng cho bà C 06 lần của 02 phần đến khi mãn hụi (02 phần x 06 lần) số tiền 60.000.000đ.

- Dây hụi 2: Hụi 10.000.000đ/tháng, khai ngày 30/11/2018 âm lịch (kết thúc ngày 30/10/2019 âm lịch), gồm 12 hụi viên, bà C tham gia 01 phần (ghi tên C bạn, số thứ tự số 4), hụi khai đến lần thứ 7 (ngày 30/5/2019) bà C hốt hụi được số tiền 93.500.000đ. Sau khi hốt hụi bà C không có đóng hụi chết và ngưng, nên bà cũng đóng hụi chết chàng cho bà C 05 lần, số tiền 50.000.000đ. Hiện các dây hụi trên đã kết thúc. Tổng cộng 02 dây hụi bà C nợ bà D số tiền 110.000.000đ.

Các lần bà C hốt hụi bà D đều giao tiền hụi cho bà C xong, mỗi lần giao tiền hụi đều có làm giấy tờ cho bà C ký nhận.

Theo lời khai của người làm chứng ngày 15/12/2021 của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ bà khai: Bà có tham gia chơi hụi do bà D làm chủ (hai dây 5.000.000đ và dây 10.000.000đ) mỗi lần khai hụi bà đều thấy bà C đi khai hụi cùng và bà C cũng thừa nhận có tham gia 2 chân hụi 5.000.000đ và một chân hụi 10.000.000đ. Còn bà Nguyễn Thị Ngọc Y có tham gia nhưng bà không có đến khai hụi, mà do bà D thông báo số tiền bỏ bao nhiêu, số tiền còn lại phải đóng bao nhiêu.

Theo lời khai của ông T là chồng bà C cho rằng việc chơi hụi của vợ ông, ông hoàn toàn không biết vì ông là tài xế lấy xe thuê đi hàng ngày không có ở nhà, việc bà D có đến đòi nợ hụi lúc đó vợ ông đã bỏ đi, ông thừa nhận khi anh Nguyễn Duy B đến trả nợ cho vợ anh 30.000.000đ thì anh có giao cho bà D nhận, nhưng bà D không thừa nhận có nhận tiền từ anh T trả cho bà thay cho bà C, bà D cũng khẳng định việc tham gia chơi hụi là giữa bà với bà C giao dịch với nhau chứ không có ông T. Do đó việc ông T cho rằng ông có đưa 30.000.000 đồng cho bà D nhận là tiền ông trả thay cho bà C nếu có tranh chấp thì ông T yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của bà D, kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc bà C có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 110.000.000đ. Đối với yêu cầu của bà D yêu cầu ông T có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên cùng bà C là chưa có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, nên sửa một phần bản án sơ thẩm.

Do chấp nhận một phần yêu cầu của bà D, nên bà C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do không chấp nhận một phần yêu cầu buộc ông T liên đới trả nợ, nên bà D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do sửa một phần bản án sơ thẩm, nên bà D không phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, bà D được nhận lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà D, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà D buộc bà C có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 110.000.000đ. Không chấp nhận đối với yêu cầu của bà D yêu cầu ông T có trách nhiệm liên đới cùng bà C trả số tiền nợ hui cho bà D, sửa một phần bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp.
2. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc D.
3. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 03/2022/DSST ngày 18/01/2022 của Tòa án thành phố S.
4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D đối với yêu cầu bà Trần Thị Mỹ C trả tiền nợ hui.
5. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D đối với yêu cầu ông Lê Công T có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ hui cùng với bà C.

- Buộc bà Trần Thị Mỹ C phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền nợ hui 110.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Mỹ C phải chịu 5.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp 2.750.000 đồng theo biên lai số 0008711 ngày 10/3/2021, bà D được nhận lại 2.450.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố S.

7. Về chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị Ngọc D nộp toàn bộ chi phí đăng tin trên báo đài tìm kiếm đối với bà Trần Thị Mỹ C số tiền 2.400.000 đồng (bà D đã nộp xong).

8. Án phí phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc D không phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, bà được nhận lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0000554, ngày 08/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. S;
- TAND TP. S;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội